

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2021/HNGĐ – ST

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Đức Trường và ông Nguyễn Đức Nghi;

- Thư ký phiên tòa: Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Xuân Tiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2021/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20/7/2021 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: **Chị Hoàng Thị Hồng V**, sinh năm 2001

(có đơn xin xét xử vắng mặt);

Chỗ ở hiện nay: xóm M, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nơi ĐKNKTT: khu T, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị V: Ông Bùi Đức D – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ (có mặt);

Bị đơn: **Anh Hoàng Văn Th**, sinh năm 1997 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu T, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Th: Ông Lê Thành C – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1]. Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2021, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Hoàng Thị Hồng V trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị kết hôn với anh Hoàng Văn Th năm 2018, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán. Đến ngày 24/02/2020, chị và anh Th thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T. Việc hôn nhân do hai bên tự nguyện, không ai ép buộc.

Sau khi kết hôn, vợ chồng không có sự hòa hợp, thấu hiểu với nhau. Thường xuyên mâu thuẫn, đã được hai bên gia đình khuyên giải, bảo ban nhưng hai bên không tìm được tiếng nói chung. Từ đầu năm 2021, chị và anh Th đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xác định không còn tình cảm với anh Th, nên chị xin ly hôn để giải phóng cho nhau.

- *Về con chung:* Chị và anh Th có 01 con chung là cháu Hoàng Bảo A, sinh ngày 14/02/2019. Khi ly hôn chị tự nguyện để cho anh Th được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Chị và anh Th đã thống nhất, chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Th số tiền 1.500.000VNĐ (một triệu năm trăm nghìn đồng)/1 tháng, kể từ tháng 7/2021 đến khi cháu A thành niên.

- *Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp của vợ chồng:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Phía bị đơn anh Hoàng Văn Th trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Việc kết hôn giữa anh và chị V như chị V trình bày là đúng. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng, từ đầu năm 2021, chị V đi làm ở Công ty mỗi người một nơi nên hai bên không tin tưởng, nghi ngờ lẫn nhau dẫn đến anh chị có mâu thuẫn. Tuy nhiên, những mâu thuẫn đó chỉ là nhỏ nhặt, anh vẫn còn tình cảm với chị V nên anh không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung:* Anh Th xác nhận vợ chồng có con chung như chị V trình bày là đúng. Trong trường hợp vợ chồng phải ly hôn, anh đồng ý với quan điểm của chị V về việc nuôi dưỡng, chăm sóc và cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp của vợ chồng:* Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị V, giải quyết cho chị V được ly hôn anh Th và giao con chung cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng.

[4]. Quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn: Đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng xin đoàn tụ của anh Th để không chấp nhận đơn của chị V. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn, đề nghị giao con

chung cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng; chị V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/1 tháng.

[5]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm :

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Chị V và anh Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung, hai bên không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh Th là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V đối với anh Th. Về con chung: Đề nghị áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật hôn nhân gia đình giao cháu A cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu A cùng anh Th số tiền 1.500.000đ/1 tháng, kể từ tháng 7/2021 đến khi thành niên. Đối với quan hệ về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, Nguyên đơn, Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Về án phí dân sự, chị V phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Hoàng Thị Hồng V có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ cho chị ly hôn anh Hoàng Văn Th. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị V có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Hoàng Văn Th vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Tòa án nhân dân huyện T đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Th. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện T xét xử vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh Th trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Năm 2019, anh chị được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo

phong tục tập quán. Đến ngày 24/02/2020, anh chị thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị V và anh Th tuổi còn trẻ, cả hai vẫn chưa có công ăn việc làm ổn định lúc làm ở chỗ này, có khi lại làm ở chỗ khác. Vợ chồng không có sự tin tưởng, thấu hiểu với nhau dẫn đến trong cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Việc này cả chị V và anh Th đều thừa nhận. Tuy nhiên, theo anh Th mâu thuẫn là nhỏ nhất, nhưng chị V cho rằng đã trầm trọng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Th đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng có thêm thời gian để khắc phục mâu thuẫn và đoàn tụ với nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng hòa giải đoàn tụ không thành. Mặt khác, phía anh Th cũng không đưa ra được giải pháp nào để khắc phục tình trạng vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay, anh Th cố ý vắng mặt không có lý do. Như vậy, có thể thấy anh Th đã tự chối bỏ các cơ hội để có thể trình bày nguyện vọng, mong muốn của mình về việc xin đoàn tụ với chị V. Chị V vẫn giữ nguyên quan điểm là xin ly hôn anh Th. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ liên quan đến tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh Th, chị V. Tại Biên bản làm việc ngày 07/07/2021, đại diện khu dân cư và chính quyền địa phương nơi anh Th, chị V sinh sống cho rằng: Chị V và anh Th không thường xuyên ở nhà, chưa có mâu thuẫn gì phải đến địa phương giải quyết. Đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân của anh chị theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị V anh Th đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung thực tế đã không còn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận việc yêu cầu xin ly hôn của chị V đối với anh Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

2.2. Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, chị V và anh Th có 01 (một) con chung là cháu Hoàng Bảo A, sinh ngày 14/02/2019. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị V và anh Th đều thống nhất, nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh Th được trực tiếp nuôi dưỡng cháu An. Chị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Th số tiền 1.500.000đ /1 tháng, kể từ tháng 7/2021 đến khi cháu An thành niên.

Xét thấy, chị V vẫn giữ nguyên quan điểm về việc nuôi con chung khi ly hôn; anh Th vắng mặt nên không có lời trình bày nào khác. Do thỏa thuận về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung của chị V và anh Th là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên.

Vì vậy, cần giao cho anh Th được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và chị V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Th số tiền 1.500.000VNĐ/1 tháng

là phù hợp với quy định tại các Điều: 57, 81, 82, 83 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khi chị V, anh Th có yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định của pháp luật.

2.3. *Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng*: Chị V, anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi chị V, anh Th có yêu cầu thì anh, chị có quyền đề nghị Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định pháp luật.

2.4. *Về án phí*: Chị V là Nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Th và chị V thỏa thuận được phương thức cấp dưỡng, mức cấp dưỡng trước khi mở phiên tòa, nên chị V phải chịu 50% án phí theo quy định.

2.5. *Về quyền kháng cáo*: Anh Th và chị V có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

2.6. Đề nghị của Kiểm sát viên, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn tại phiên tòa phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn về quan hệ hôn nhân không phù hợp, nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị Hồng V. Cho chị Hoàng Thị Hồng V được ly hôn anh Hoàng Văn Th.
2. *Về con chung*: Giao cho anh Th được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Bảo A, sinh ngày 14/02/2019 đến khi thành niên. Chị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu An cùng anh Th số tiền 1.500.000 VNĐ (một triệu năm trăm nghìn đồng)/ 1 tháng, kể từ tháng 7/2021 đến khi thành niên. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:*
Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.
4. *Án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Hoàng Thị Hồng V phải nộp 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000VNĐ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng, chị V phải nộp 450.000 VNĐ (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí. Xác nhận chị V đã nộp 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: AA/2019/0003146 ngày 14/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ. Chị V còn phải nộp 150.000 VNĐ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí sơ thẩm.
5. *Về quyền kháng cáo:* Chị V và anh Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.
6. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai